

Số: 214 CV/ĐLS-TCKT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Giải trình biến động KQKD của BCTC đã kiểm toán năm 2017/2018 so với cùng kỳ năm trước)

Lam Sơn, ngày 6 tháng 2 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017/2018 do Công ty CP mía đường Lam Sơn lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Ernts & Young.

Công ty chúng tôi giải trình biến động kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính đã kiểm toán năm so với cùng kỳ năm trước như sau:

I. Báo cáo riêng**ĐVT: Triệu đồng**

| TT | CHỈ TIÊU | Số liệu kiểm toán năm 2017/2018 | Số liệu kiểm toán năm 2016/2017 | Chênh lệch | |
|------|---|---------------------------------|---------------------------------|------------|----------|
| | | | | + | % |
| 1.1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.301.455 | 2.025.652 | (724.197) | (35,75) |
| 1.2 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.301.455 | 2.023.794 | (722.339) | (35,69) |
| 1.3 | Giá vốn hàng bán | 1.164.705 | 1.785.683 | (620.978) | (34,78) |
| 1.4 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 136.750 | 238.111 | (101.361) | (42,57) |
| 1.5 | Doanh thu hoạt động tài chính | 8.563 | 10.169 | (1.605) | (15,79) |
| 1.6 | Chi phí tài chính | 43.371 | 28.964 | 14.407 | 49,74 |
| 1.7 | Chi phí bán hàng | 31.422 | 26.585 | 4.837 | 18,19 |
| 1.8 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 38.907 | 65.266 | (26.359) | (40,39) |
| 1.9 | Thu nhập khác | 8.737 | 1.781 | 6.956 | 390,58 |
| 1.1 | Chi phí khác | 6.109 | 6.041 | 69 | 1,14 |
| 1.11 | Lợi nhuận khác | 2.628 | (4.260) | 6.888 | (161,70) |
| 1.12 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 34.241 | 123.205 | (88.964) | (72,21) |
| 1.13 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 5.665 | 19.833 | (14.168) | (71,44) |
| 1.14 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 28.576 | 103.373 | (74.796) | (72,36) |

Lý do chênh lệch:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ giảm do sản lượng tiêu thụ giảm và giá bán giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, tương ứng giảm 724,197 tỷ đồng.

- Giá vốn bán hàng giảm do sản lượng giảm so với cùng kỳ, tương ứng giảm 620,978 tỷ đồng

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 15,79% do giảm lãi từ các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn.

- Chi phí tài chính, bán hàng tăng lên chủ yếu do chi phí lãi vay, cước vận chuyển tăng lên.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ do trong năm doanh nghiệp không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi và trích lập quỹ khoa học công nghệ giảm.

- Lợi nhuận giảm do tốc độ giảm của doanh thu nhanh hơn tốc độ giảm của chi phí phát sinh so với cùng kỳ và tỷ lệ giá vốn trên doanh thu cao hơn so với cùng kỳ.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

| TT | CHỈ TIÊU | Số liệu kiểm toán năm 2017/2018 | Số liệu kiểm toán năm 2016/2017 | Chênh lệch | |
|------|--|---------------------------------|---------------------------------|-------------|----------|
| | | | | +- | % |
| 2.1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.343.507 | 2.375.848 | (1.032.341) | (43,45) |
| 2.2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | (9) | (1.858) | 1.849 | (99,52) |
| 2.3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.343.498 | 2.373.990 | (1.030.492) | (43,41) |
| 2.4 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 1.181.541 | 2.044.166 | (862.625) | (42,20) |
| 2.5 | Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 161.957 | 329.824 | (167.867) | (50,90) |
| 2.6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 6.688 | 16.812 | (10.124) | (60,22) |
| 2.7 | Chi phí tài chính | 47.250 | 42.985 | 4.265 | 9,92 |
| 2.8 | Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết | (66) | (327) | 261 | (79,82) |
| 2.9 | Chi phí bán hàng | 44.427 | 39.127 | 5.300 | 13,55 |
| 2.10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 67.732 | 96.963 | (29.231) | (30,15) |
| 2.11 | Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 9.169 | 167.233 | (158.064) | (94,52) |
| 2.12 | Thu nhập khác | 9.142 | 1.190 | 7.952 | 668,24 |
| 2.13 | Chi phí khác | 7.152 | 6.622 | 530 | 8,00 |
| 2.14 | Lợi nhuận/(lỗ) khác | 1.990 | (5.432) | 7.422 | (136,63) |
| 2.15 | Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 11.159 | 161.801 | (150.642) | (93,10) |
| 2.16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 6.971 | 23.117 | (16.146) | (69,84) |



| | | | | | |
|------|---------------------------------------|-------|---------|-----------|---------|
| 2.17 | (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 98 | 985 | (887) | (90,05) |
| 2.18 | Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN | 4.090 | 137.699 | (133.609) | (97,03) |

Lý do chênh lệch:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ năm ngoài là do sản lượng tiêu thụ giảm, giá bán giảm mạnh tương ứng giảm 1.032,341 tỷ đồng.

- Giá vốn bán hàng giảm do sản lượng giảm so với cùng kỳ, tương ứng giảm 862,625 tỷ đồng.

- Chi phí tài chính, bán hàng tăng lên chủ yếu do chi phí lãi vay, cước vận chuyển tăng lên.

Công ty CP mía đường Lam Sơn giải trình đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM và Quý cổ đông được biết. Chúng tôi cam kết những giải trình trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về các giải trình trên.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước,
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM
- Lưu VT, P. TCKT

CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Văn Lam

